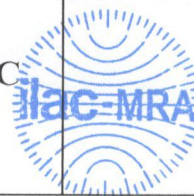


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN



Số: 32/KQ

VILAS 746

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	140M ₁ 01/18	Nhà máy bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Phạm Thị Luyện	27/08/2018 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
4	141M ₁ 01/18	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	27/08/2018 8g30-8g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	141M ₂ 01/18	8/19 Nguyễn Huệ			27/08/2018 9g00-9g15	Nguyễn Thị Kim Trang
6	141M ₃ 01/18	Khu tái định cư Núi Nhạn			27/08/2018 9g30-9g45	
7	142B01/18	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Diệp Thị Ngọc Loan	27/08/2018 8g00-8g15	Diệp Thị Ngọc Loan

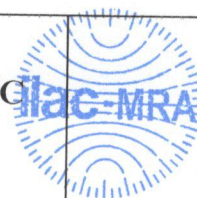
Mã tài liệu BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành: 19/03/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN**



VILAS 746

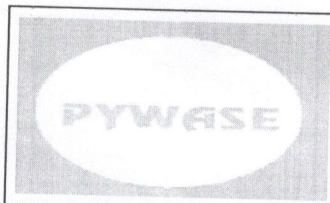
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				140M ₁ 01/18	141M ₁ 01/18	141M ₂ 01/18	141M ₂ 01/18
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.04	7.16	6.90	7.05
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.75	1.94	1.66	1.80
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.12	0.04	0.04	0.02
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	10.78	11.45	12.12	12.80
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	41.8	45.98	47.02	43.89
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	9.60	8.20	11.00	10.30
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	98	102	106	99
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.75	0.90	0.85	0.85
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9.60	9.40	9.40	9.40
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.06	0.02	0.02	0.02
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.51	0.84	0.84	0.77
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

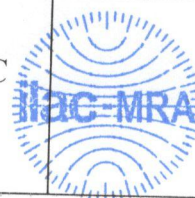
Mã tài liệu BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành:19/03/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN**



II./KẾT QUẢ MẪU

VILAS 746

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				142B01/18			
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.04			
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.84			
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.08			
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12.12			
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	43.36			
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)			
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	9.70			
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	104			
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.90			
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9.60			
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.04			
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.77			
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)			
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.53			

Ghi chú: - LOD : Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện



Nguyễn Tấn Thuận

Phòng Kỹ Thuật

Nguyễn Văn Bình

Tuy Hòa, ngày 04 tháng 09 năm 2018

Bộ Phận Kiểm nghiệm

Võ Bá Duy Huân

Mã tài liệu BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành: 19/03/2018